|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****DỰ THẢO (ngày 12/5/2025)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**Đề án quốc gia “đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035,**

**tầm nhìn đến năm 2045”**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Căn cứ chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 44/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030”;

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

**-** Công văn số 714/VPCP-KGVX ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Đề án quốc gia từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

**2. Cơ sở thực tiễn xây dựng Đề án**

Năng lực sử dụng tiếng Anh ngày càng được nhiều quốc gia xem như một kỹ năng mềm trong xã hội hiện đại, là chìa khóa để mở cửa tri thức, phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế sâu rộng. Nhiều quốc gia hay vùng lãnh thổ đã đưa tiếng Anh vào chiến lược phát triển quốc gia như Tây Ban Nha, Phillipines, Đài Loan, Malaysia, v.v... Nhận thức được ý nghĩa của tiếng Anh đối với phát triển đất nước, Thủ trướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 về việc phê duyệt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020 và Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025. Mục tiêu là triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như: ban hành và triển khai chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế và phù hợp với đặc thù của Việt Nam; đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực khảo thí ngoại ngữ của quốc gia; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh công tác truyền thông, hợp tác quốc tế, xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ; nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến việc dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ. Sau hơn 15 triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, kết quả thu được rất đáng khích lệ. Cụ thể:

a) Đối với giáo dục mầm non: Các địa phương triển khai Chương trình cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh ngày càng tăng với nhu cầu lớn. Đến năm 2024, có 62/63 địa phương triển khai, trên cả nước có 30% trẻ mầm non (trên 1,2 triệu trẻ) được học chương trình (tăng 300%). Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo, Công văn số 2387/BGDĐT-GDMN ngày 9/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi, bổ sung và Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo. Những văn bản này là căn cứ và cơ sở để việc triển khai cho trẻ mầm non làm quen ngoại ngữ được thống nhất trên cả nước ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện.

b) Đối với các cấp học phổ thông, Bộ GDĐT đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành chương trình các môn ngoại ngữ theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, gồm các chương trình: Chương trình môn tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 (môn học tự chọn); Chương trình môn tiếng Anh ngoại ngữ 1 là môn học bắt buộc cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 12; Bộ GDĐT đã tiến hành thẩm định và phê duyệt các bộ sách giáo khoa xây dựng từ nguồn xã hội hóa để sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông: đã có 10 bộ sách giáo khoa môn tiếng Anh từ lớp 1 đến lớp 5 và 08 bộ sách giáo khoa môn tiếng Anh từ lớp 6 đến lớp 12. Đến nay, đã có 69,0% số học sinh lớp 1, lớp 2 đã tham gia học Tiếng anh làm quen với hình thực là môn tự chọn và tự nguyện theo nhu cầu người học; 99,8% số học sinh từ lớp 3 đến lớp 12 học môn tiếng Anh bắt buộc theo Chương trình giáo dục phổ thông (có 0,2% học sinh chọn học những môn ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh).

c) Đối với giáo dục đại học: Đến nay, đa số các cơ sở giáo dục đào tạo đã xác định lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Khung NLNN 6 bậc). Theo đó, các chương trình đào tạo bậc đại học yêu cầu người học đạt bậc 3 khi tốt nghiệp các ngành không chuyên ngoại ngữ và bậc 5 (Khung NLNN 6 bậc) đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành chuyên ngoại ngữ. Với một số chương trình đào tạo tiên tiến và chương trình đào tạo liên kết, đầu ra ngoại ngữ của sinh viên yêu cầu bậc 4 (Khung NLNN 6 bậc). Một số đại học và trường đại học đã áp dụng chuẩn đầu ra như trên cho tất cả các ngành như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Đà Lạt, v.v... Trên 90% các đại học và trường đại học có đào tạo sư phạm ngoại ngữ[[1]](#footnote-1) đã công bố và hiện đang áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên ra trường của các ngành này (bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc).

Trên 90% các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ GDĐT đã rà soát, chuyển đổi chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm; đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng tăng cường giao tiếp, tương tác; áp dụng đánh giá năng lực đầu vào và đầu ra theo hướng dẫn của Bộ GDĐT[[2]](#footnote-2). Các đơn vị này đã điều chỉnh hoặc xây dựng, mở mới 30 chương trình đào tạo khối ngành chuyên ngoại ngữ, 25 chương trình đào tạo khối ngành không chuyên (trong đó có 09 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh). Đối với các chương trình đào tạo hiện có, các đơn vị đã rà soát, điều chỉnh hoặc xây dựng chương trình ngoại ngữ tăng cường cho sinh viên chưa đủ năng lực ngoại ngữ đầu vào, chương trình môn ngoại ngữ cho bậc đào tạo cao đẳng và đại học, chương trình môn ngoại ngữ cho bậc đào tạo thạc sĩ, các khóa học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của nhà trường.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp: Đến nay, đã xây dựng được 300 khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ở trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 300 ngành, nghề, trong đó, mỗi ngành, nghề đều quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ cho người học (bậc 1/6 đối với trình độ trung cấp, bậc 2/6 đối với trình độ cao đẳng theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; xây dựng 12 chương trình tiếng Anh chuyên ngành bậc 3 và bậc 4 cho các ngành nghề trọng điểm; xây dựng chương trình đào tạo trực tuyến cho môn học tiếng Anh áp dụng tại các đơn vị đào tạo trực thuộc.

e) Đối với giáo dục thường xuyên: Bộ GDĐT đã xây dựng một số chương trình dạy và học ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu xã hội và trong giáo dục thường xuyên (Chương trình tiếng Nhật thực hành; Chương trình tiếng Anh thực hành, Chương trình tiếng Trung thực hành, Chương trình tiếng Hàn thực hành theo Khung NLNN 6 bậc)[[3]](#footnote-3). Hàng năm, Bộ GDĐT đã hướng dẫn các đơn vị chủ động tổ chức chương trình bồi dưỡng NLNN cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức (không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ). Bộ GDĐT đã xây dựng và thẩm định chương trình và tài liệu trực tuyến bồi dưỡng NLNN bậc 1, 2, 3, 4 cho cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đề xuất giải pháp quản lý chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, xây dựng và hoàn thiện Bộ tiêu chí kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ.

g) Đối với dạy và học các môn học bằng tiếng Anh (sau đây gọi là dạy học bằng tiếng Anh) trong các cơ sở giáo dục và đào tạo:Thực hiện Quyết định 72/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác, đến nay, có 9/63 địa phương thực hiện dạy học và bằng tiếng nước ngoài[[4]](#footnote-4), chủ yếu là dạy thí điểm một số tiết học bằng tiếng Anh ở một số môn khoa học tự nhiên như Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học. Việc dạy học và bằng tiếng Anh được thực hiện tại nhiều trường phổ thông (chủ yếu là các trường chuyên, trường tư thục). Việc kiểm tra đánh giá các môn học chưa được thực hiện bằng tiếng nước ngoài. Địa phương có nhiều trường phổ thông thực hiện nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (theo Đề án 5695 của thành phố), Hà Nội, Huế, Hải Phòng, Bắc Giang... Các địa phương khác chủ yếu thực hiện ở các trường chuyên.

Trên cơ sở những kết quả đạt được từ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia thực hiện theo Quyết định 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017; thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án quốc gia đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045.

**3. Bối cảnh quốc tế và trong nước**

***3.1. Bối cảnh quốc tế***

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số phát triển nhanh chóng tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục; mô hình, phương pháp tiếp cận giáo dục mới trên phạm vi toàn cầu thúc đẩy phát triển hệ sinh thái giáo dục trên toàn thế giới, hướng tới phát triển khả năng tự học, tự phát triển liên tục, suốt đời và khởi nghiệp tự thân. Đến nay, có hơn 60 quốc gia trên thế giới đã công nhận hoặc xây dựng chính sách quốc gia để công nhận tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ thứ hai trong các hoạt động văn hóa, giáo dục, kinh tế, chính trị và giao thương của xã hội.

Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng và hiệu quả; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Hòa bình và hợp tác phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới trong những năm qua, mở ra nhiều cơ hội hợp tác song phương và đa phương đối với Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo. Kinh tế tri thức và cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin - truyền thông, ứng dụng trí tuệ nhân tạo diễn ra mạnh mẽ trên thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội và thuận lợi cho quá trình hợp tác, tiếp thu những thành tựu, giá trị tiến bộ, nhân văn về giáo dục và đào tạo của các nước phát triển, nhất là trong đổi mới phương thức giáo dục.

***3.2. Bối cảnh trong nước***

Ở trong nước, công cuộc đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trong đó chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, là tiền đề quan trọng và điều kiện thuận lợi để thực hiện đổi mới và phát triển giáo dục, đào tạo.

Mặt khác chúng ta đang phát triển đất nước trên cơ sở nền kinh tế thị trường nhu cầu hội nhập kinh tế thế giới rất cao, rất cần nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động được đào tạo để tham gia thị trường lao động trong nước và quốc tế, do vậy trang bị ngoại ngữ cho lực lượng lao động này là yêu cầu bắt buộc.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, quý trọng hiền tài của dân tộc ta và sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, là nền tảng và động lực to lớn trong triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW. Qua từng giai đoạn, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí, vai trò của giáo dục, đào tạo và công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ngày càng sâu sắc, toàn diện hơn. Hệ thống thể chế, chính sách về giáo dục và đào tạo không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, bám sát định hướng của Đảng, phù hợp với thực tiễn. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp luôn tâm huyết, trách nhiệm, có tinh thần đổi mới sáng tạo, khát khao cống hiến cho sự nghiệp “trồng người”; là thuận lợi cơ bản để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hệ thống giáo dục của nước ta hiện nay tương đối đầy đủ, chặt chẽ, đa dạng cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của người dân. Chất lượng giáo dục phổ thông từng bước được nâng lên, giáo dục mũi nhọn là điểm sáng. giáo dục đại học đã và đang cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cáo cho phát triển đất nước, giáo dục nghề nghiệp được củng cố từ đó đào tạo tay nghề cho người lao động sẵn sàng tham gia thị trường lao động trong nước và quốc tế, giáo dục thường xuyên đã cung cấp chương trình học tập đa dạng phục vụ việc học tập suốt đời theo phương châm cần gì học nấy. Đặc biệt Chương trình phổ thông 2018 được triển khai từ năm 2020 đến nay đã thực hiện đầy đủ từ lớp 1 đến lớp 12, trong đó có chương trình môn học tiếng Anh bước đầu được đánh giá có nhiều điểm tiến bộ phù hợp với xu hướng giáo dục thế giới. Chất lượng dạy và học tiếng Anh đã nâng lên một bước đáng kể so với trước đây.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ của học sinh, sinh viên ngày càng được cải thiện rõ rệt. Nhiều sân chơi, các câu lạc bộ tiếng Anh, hoạt động ngoại khóa tiếng Anh cho học sinh, sinh viên được tổ chức, góp phần giúp học sinh thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết[[5]](#footnote-5).Đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ luôn được quan tâm bồi dưỡng thường xuyên về năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm[[6]](#footnote-6), cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đến nay, tỷ lệ giáo viên tiếng Anh các cấp học phổ thông đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để triển khai chương trình ngoại ngữ mới đạt 84%[[7]](#footnote-7) (tăng 20,8% so với năm học 2013 - 2014*); tỷ lệ giảng viên tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 5 trở lên đạt 98,6%* (tăng 7,6% so với năm học 2023-2024*[[8]](#footnote-8)*; tỷ lệ giảng viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên đạt 96,7%[[9]](#footnote-9).

**4. Kinh nghiệm quốc tế**

Một số nước cũng đã triển khai chính sách quốc gia về tiếng Anh. Sau đây là một số kinh nghiệm mà Việt Nam cần nghiên cứu, xem xét khi triển khai Đề án này.

***4.1. Chính sách giáo dục song ngữ tại Philippines***

Chính sách giáo dục song ngữ tại Philippines khẳng định tiếng Filipino và tiếng Anh là hai ngôn ngữ chính thức của quốc gia. Để thực hiện mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ cho công dân, Chính phủ Philippines đã triển khai các chính sách giáo dục trọng tâm, bao gồm Chính sách Giáo dục Song ngữ (Bilingual Education Policy - BEP, 1987) và Sắc lệnh Hành pháp số 210 (2003), nhằm tăng cường việc sử dụng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc gia.

- Mục tiêu chính: Triển khai chính sách Giáo dục Song ngữ (BEP) để phát triển đồng thời năng lực tiếng Filipino và tiếng Anh, phục vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hội nhập quốc tế và tăng cường khả năng cạnh tranh của Philippines.

- Một số chiến lược cụ thể của Philippines:

+ Tiếng Anh được dạy từ lớp 1 như ngôn ngữ thứ hai.

+ Từ lớp 3, Toán, Khoa học và Tiếng Anh được giảng dạy bằng tiếng Anh.

+ Ở trung học, 70% thời lượng học được giảng dạy bằng tiếng Anh.

+ Giáo dục đại học sử dụng tiếng Anh trong chương trình chuyên ngành, dưới sự giám sát của Ủy ban Giáo dục Đại học (CHED).

+ Bộ Giáo dục, CHED và TESDA đảm nhiệm đào tạo, đánh giá năng lực tiếng Anh của giáo viên.

+ Hệ thống chỉ số đánh giá gồm: năng lực ngôn ngữ, chất lượng giảng dạy, tài liệu học tập, cơ sở vật chất.

- Kết quả: Các chiến lược này của Phillipines đã tạo ra lực lượng lao động có năng lực tiếng Anh cao, xuất khẩu lao động chất lượng ra toàn cầu. Chương trình song ngữ được thực hiện đồng bộ và liên tục, có cơ chế đánh giá, giám sát hiệu quả. Các chỉ số đánh giá năng lực và chất lượng giảng dạy được ban hành chi tiết và gắn với kiểm định độc lập giúp giám sát tiến trình thực hiện mà còn đảm bảo tính bền vững và hiệu quả trong việc phát triển năng lực tiếng Anh cho học sinh và giáo viên.

***4.2. Chính sách song ngữ quốc gia của Chính phủ Đài Loan***

Chính sách Quốc gia Song ngữ của Đài Loan, được bắt đầu từ năm 2018, với mục đích nâng cao năng lực tiếng Anh trong toàn hệ thống giáo dục và các cơ quan quản lý nhà nước để tăng cường khả năng cạnh tranh toàn cầu. Chính sách nhấn mạnh việc giảng dạy bằng tiếng Anh (EME) tại các trường học và đại học, với kế hoạch triển khai theo từng giai đoạn hướng tới các mốc quan trọng vào năm 2024 và 2030. Động lực thúc đẩy song ngữ của Đài Loan là nhu cầu hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, thu hút các tập đoàn đa quốc gia và chuẩn bị cho học sinh, sinh viên nắm bắt cơ hội phát triển sự nghiệp quốc tế.

- Mục tiêu: Đài Loan áp dụng chính sách song ngữ trong giáo dục hướng tới nâng cao trình độ tiếng Anh chung trong toàn hệ thống giáo dục, đào tạo những học sinh ưu tú trong các lĩnh vực chuyên môn quan trọng thông qua đào tạo tiếng Anh chuyên ngành.

- Các chiến lược chính bao gồm:

+ Thực hiện chương trình dạy học bằng tiếng Anh (EME) tại tiểu học, trung học và đại học, tập trung vào các môn Khoa học và Xã hội.

+ Thành lập các “làng thẩm thấu ngôn ngữ” (English villages) và phát triển các khóa học tiếng Anh chuyên ngành (ESAP). Chính phủ đầu tư 361 triệu USD cho giai đoạn 2021–2024, bao gồm: 234,26 triệu USD cho giáo dục từ mẫu giáo đến phổ thông (K–12) và 90,1 triệu USD cho giáo dục đại học.

+ Phát triển nền tảng trực tuyến “Cool English”.

+ Xây dựng các trường đại học trung tâm theo từng vùng để tăng cường giảng dạy bằng tiếng Anh cho giáo viên và học sinh.

+ Tuyển dụng hơn 300 giáo viên người nước ngoài và bồi dưỡng hơn 17.000 giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh ở trong nước.

Kết quả: Gần 1/3 trong số 3.392 trường tiểu học và trung học công lập đã triển khai giáo dục song ngữ. Đã xây dựng 4 trung tâm đại học vùng, dự kiến tăng lên 6 vào năm 2030. Các khảo sát English Impact (hợp tác với Hội đồng Anh và ACER) giúp đánh giá năng lực học sinh lớp 9 và 12. Tuy nhiên, vẫn còn bất bình đẳng vùng miền, đặc biệt là ở năng lực giáo viên, thiếu tài liệu giảng dạy chuẩn hóa và phản ứng về bản sắc ngôn ngữ.

***4.3. Chính sách giáo dục song ngữ tại Tây Ban Nha***

Chính sách giáo dục song ngữ tại Tây Ban Nha bắt đầu được triển khai từ cuối những năm 1990, đặc biệt thông qua mô hình CLIL (Content and Language Integrated Learning) – Dạy các môn học bằng tiếng Anh. Bộ Giáo dục Tây Ban Nha đã hợp tác với Hội đồng Anh (British Council) triển khai mô hình này từ năm 1996, bắt đầu tại một số vùng ở các thành phố lớn như Madrid, Andalusia và Basque. Sau đó, mô hình song ngữ dần được mở rộng trong hệ thống giáo dục phổ thông công lập ở Tây Ban Nha.

- Mục tiêu:Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh phổ thông trong toàn quốc; xây dựng nền giáo dục song ngữ phù hợp với bối cảnh hội nhập châu Âu; thúc đẩy năng lực ngoại ngữ của học sinh một cách thực tiễn thông qua các môn học không phải ngoại ngữ.

- Các chiến lược chính bao gồm:

+ Áp dụng mô hình CLIL (Content and Language Integrated Learning) từ cuối những năm 1990 để dạy các môn khoa học xã hội như Lịch sử, Địa lý, Khoa học bằng tiếng Anh trong hệ thống phổ thông công lập.

+ Tuyển dụng giáo viên bản ngữ nói tiếng Anh, đồng thời đào tạo chuyên môn về CLIL cho giáo viên bản địa.

+ Sử dụng ngân sách địa phương, trung ương để hỗ trợ của các tổ chức quốc tế mở rộng mô hình CLIL trên toàn quốc.

Chính sách giáo dục song ngữ tại Tây Ban Nha đã đạt nhiều kết quả tích cực thông qua mô hình CLIL. Hơn 1.000 trường phổ thông trên toàn quốc đã áp dụng giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh. Học sinh tham gia chương trình có trình độ tiếng Anh cao hơn mức trung bình quốc gia và sử dụng hiệu quả trong học tập và giao tiếp. Giáo viên được đào tạo bài bản về phương pháp CLIL. Các nhà trường tuyển dụng được giáo viên bản ngữ để nâng cao chất lượng giảng dạy. Việc lồng ghép tiếng Anh trong các môn khoa học xã hội giúp phát triển tư duy suy luận bằng ngôn ngữ thứ hai. Đây là một mô hình thành công trong việc phát triển giáo dục song ngữ và góp phần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của thế hệ trẻ Tây Ban Nha.

***4.4. Một số bài học từ kinh nghiệm quốc tế***

Từ kinh nghiệm của Phillipines, Đài Loan và Tây Ban Nha cho thấy cần quan tâm giải quyết các vấn đề sau khi xây dựng và triển khai Đề án:

* Đề án cần được xây dựng và triển khai đồng bộ, hướng tới xây dựng thành công hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong nhà trường bao gồm việc dạy học, giao tiếp, thông tin, quản trị nhà trường.
* Khi triển khai Đề án cần có khảo sát, nghiên cứu, đánh giá năng lực tiếng Anh hiện tại của giáo viên và học sinh để đầu tư đúng trọng tâm, điều chỉnh mục tiêu phù hợp và đào tạo giáo viên sát nhu cầu.
* Dạy học tiếng Anh, dạy học các môn học bằng tiếng Anh cần có các chỉ số chất lượng để đảm bảo hiệu quả lâu dài.
* Cần phát triển năng lực tiếng Anh và năng lực chuyên môn cho giáo viên, giảng viên ở các cấp học, ngành học, nâng cao nhận thức về lợi ích trở thành giáo viên song ngữ để tạo động lực cho giáo viên cải thiện trình độ.
* Đảm bảo hoạt động đánh giá 4 kỹ năng tiếng Anh đạt chất lượng và có kiểm định, có sự tham gia của các tổ chức đánh giá.
* Sự tham gia của tất cả thành phần trong xã hội (xã hội hóa) để giúp trường học, giáo viên và học sinh tham gia một cách đầy đủ, tránh chậm trễ trong thực thi chính sách và đảm bảo sự hỗ trợ bền vững, lâu dài.
* Tăng cường giám sát, đánh giá và nghiên cứu tác động của chính sách.

**5. Cơ hội, thách thức của Việt Nam khi triển khai Đề án**

***5.1. Cơ hội:***

- Đề án thể hiện quyết tâm chính trị cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý giáo dục; sự đồng thuận của xã hội về chủ trương từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam đòi hỏi nguồn nhân lực biết tiếng Anh để phục vụ hội nhập và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước. Đề án ra đời đáp ứng được nhu cầu của nguồn nhân lực biết sử dụng tiếng Anh.

 - Nhu cầu học tập tiếng Anh ngày càng cao của học sinh, sinh viên.

 - Kết quả của Đề án Ngoại ngữ quốc gia có tác động lớn đến giáo dục, phong trào học tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh ngày càng lan tỏa sâu rộng.

 - Đề án tạo nền tảng chiến lược cho phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với quốc tế; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

***5.2. Thách thức***

- Thách thức lớn nhất là về giáo viên, cụ thể là cả về số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh. Sự thiếu hụt đội ngũ giáo viên có đủ năng lực tiếng Anh và sư phạm – đặc biệt ở cấp học mầm non, tiểu học và các trường ở vùng ngoài đô thị.

- Chênh lệch vùng miền rất lớn về hạ tầng, công nghệ, khả năng xã hội hóa, chất lượng quản lý nên cần cơ chế chính sách hỗ trợ cho vùng miền khó khăn để đạt được mục tiêu của Đề án đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Cần có cơ chế rõ ràng về phân bổ nguồn lực và giám sát việc triển khai thực hiện ở các địa phương, tránh phô trương hình thức, lãng phí nhưng đầu tư kém hiệu quả khi thực hiện Đề án.

**6. Quá trình chuẩn bị xây dựng Đề án**

a) Công tác chuẩn bị

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế” và Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập, các Tiểu ban[[10]](#footnote-10) xây dựng Đề án và phân công nhiệm vụ cho các thành viên[[11]](#footnote-11). Bộ GDĐT cũng đã khảo sát các địa phương[[12]](#footnote-12) thông tin bước đầu để chuẩn bị triển khai Đề án.

Một số kết quả ban đầu thu được như sau:

- Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đến nay đã được triển khai đầy đủ trên 100% số học sinh phổ thông (ở 22.736 trường, 460.666 lớp, với 16.213.289 học sinh), trong đó tiếng Anh triển khai bắt buộc từ lớp 3 đến lớp 12 (đạt 99,8%)[[13]](#footnote-13), dạy học tự chọn ở lớp 1 và lớp 2 (đạt 69,0%). Cả nước hiện có 76.926 giáo viên tiếng Anh phổ thông.

- Về điều kiện giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh ở các cấp học phổ thông:

+ Số lượng giáo viên tiếng Anh hiện có: 76.926 người.

+ Số lượng giáo viên tiếng Anh còn thiếu để thực hiện CT từ lớp 3: 4,000 người.

+ Số lượng giáo viên tiếng Anh cần để dạy lớp 1, 2 theo CT GDPT 2018: 9,000 người.

+ Số lượng giáo viên tiếng Anh còn thiếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn khi thực hiện CT từ lớp 1: 5,000 người.

+ Số lượng giáo viên các môn học khác có trình độ bậc 3 trở lên: hơn 30,000 người.

+ Số lượng giáo viên tiếng Anh các cấp học phổ thông cần bồi dưỡng để đạt chuẩn năng lực, nghiệp vụ: khoảng 15,000 người (xấp xỉ 20% số giáo viên tiếng Anh hiện có).

- Về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếng Anh hiện tại ở các địa phương (đối với các cấp học phổ thông):

+ Số phòng học tiếng Anh hiện có 30,000 phòng, thiếu gần 8,000 phòng.

+ Số phòng học tiếng Anh (được trang bị theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định): 23,000 phòng, còn thiếu gần 15,000 phòng theo quy định.

+ Học liệu điện tử/học liệu số được trang bị để dạy và học tiếng Anh: 10,000 bộ, còn thiếu khoảng 10,000 bộ theo yêu cầu.

+ Dự kiến tổng kinh phí cần đầu tư đảm bảo CSVC, học liệu số của các địa phương trên cả nước (theo báo cáo từ các địa phương) là: 16,500 tỷ đồng.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo tham vấn ý kiến rộng rãi

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo tham vấn ý kiến rộng rãi các của chuyên gia, nhà khoa học, các nhà quản lý giáo dục, các tổ chức tư vấn, tổ chức giáo dục quốc tế, các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục trong cả nước như:

+ Hội thảo tham vấn ý kiến các cấp quản lý giáo dục địa phương, các nhà sư phạm, các chuyên gia, các tổ chức, doanh nghiệp tại Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 11/10/2024);

+ Hội thảo tham vấn ý kiến các chuyên gia giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, hiệu trưởng các trường đại học và một số tổ chức quốc tế tại Bộ GDĐT (ngày 05/3/2025);

+ Hội thảo góp ý cho các nội dung dự thảo Đề án tại Trường ĐHSP Hà Nội đối với các trường đại học trên cả nước (ngày 23/4/2025), tại Viện Khoa học Giáo dục đối với các tổ chức giáo dục quốc tế và các trường học (ngày 25/4/2025) và tại Bộ GDĐT đối với các trung tâm ngoại ngữ, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giáo dục và giải pháp giáo dục trực tuyến (ngày 26/4/2025).

c) Kết quả bước đầu:

- Đa số các nhà quản lý giáo dục, các chuyên gia thống nhất và tán thành, ủng hộ chủ trương Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xem đây là bước đi đột phá tạo tiền đề vững chắc cho hội nhập toàn cầu, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại trong kỷ nguyên hội nhập, số hóa, kinh tế tri thức như ngày nay.

- Một số ý kiến còn băn khoăn về chất lượng và số lượng giáo viên tiếng Anh, nhất là giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh ở cấp học phổ thông hiện nay.

- Đề xuất giải pháp: Sử dụng trí tuệ nhân tạo và các giải pháp công nghệ tiên tiến hỗ trợ giáo viên tự học, tự nâng cao trình độ và các giải pháp này có thể giúp những nơi thiếu giáo viên dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, tăng cường xã hội hóa, tăng cường hợp tác công tư trong giáo dục có thể đưa giáo viên từ các trung tâm, các công ty cung cấp dịch vụ giáo dục hỗ trợ các cơ sở giáo dục thiếu giáo viên (những giải pháp này được cụ thể trong các nhóm nhiệm vụ, giải pháp triển khai Đề án).

**II. QUAN ĐỂM**

1. Quán triệt, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, tạo tiền đề chiến lược cho phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng nền kinh tế tri thức và giao lưu quốc tế.

2. Thống nhất hiểu tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở Việt Nam là khi tiếng Anh được sử dụng một cách thường xuyên và có hệ thống trong môi trường giáo dục – bao gồm dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục, nghiên cứu, quản lý và giao tiếp – với mục tiêu phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù của người học theo chuẩn quốc tế, phục vụ các yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

3. Thực hiện việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học cần có định hướng, lộ trình, thực hiện theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội nhằm xây dựng hệ sinh thái ngôn ngữ trong nhà trường, nơi tiếng Anh được sử dụng song song với tiếng Việt, hoặc độc lập trong từng bối cảnh phù hợp, để thực hiện các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4. Phát huy các điều kiện, nguồn lực hiện có, nơi thuận lợi làm trước, làm từng phần, từng bước, từng đối tượng, tạo sự lan tỏa trong xã hội; đẩy mạnh xã hội hoá, hợp tác công - tư trong giáo dục; phối hợp hiệu quả mối quan hệ gia đình - nhà trường - xã hội.

5. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá trong các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo bảm đảm tính liên tục, liên thông, công nhận chất lượng lẫn nhau dựa trên chuẩn đầu ra; tăng cường dạy học tiếng Anh sớm bắt đầu từ giáo dục mầm non; đẩy mạnh đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy học bằng tiếng Anh cho các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở đào tạo; ưu tiên các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhận tạo (AI); phát triển nguồn tài liệu học liệu dạy và học các môn học khác bằng tiếng Anh; xây dựng hệ thống học liệu điện tử phù hợp mọi đối tượng để người học có thể học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh một cách linh hoạt trên nhiều nền tảng khác nhau; tạo môi trường dạy học và sử dụng tiếng Anh thường xuyên, liên tục trong nhà trường, gia đình và xã hội để giáo viên, giảng viên, người học (học sinh, sinh viên...) và thành viên gia đình cùng học tiếng Anh.

**III. LỘ TRÌNH, CÁC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN**

**1. Lộ trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở Việt Nam bao gồm ba bước như sau:**

- **Bước 1: Xây dựng nền tảng và chuẩn hóa** – Bảo đảm nền tảng vững chắc để tiếng Anh được sử dụng thường xuyên và có hệ thống trong môi trường giáo dục, tạo nhu cầu giao tiếp và thói quen sử dụng tiếng Anh trong trường học.

- **Bước 2: Mở rộng và tăng cường** – Đẩy mạnh việc sử dụng tiếng Anh một cách thường xuyên hơn, mở rộng các hoạt động dạy học, giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng, phong phú trong hệ thống giáo dục, tạo môi trường ổn định, vững chắc để sử dụng tiếng Anh trong trường học.

- **Bước 3: Hoàn thiện và nâng cao** – Tiếng Anh được sử dụng một cách tự nhiên, hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong môi trường giáo dục, giao tiếp và quản trị nhà trường.

**2. Các tiêu chuẩn đánh giá**

Việc xây dựng hệ sinh thái đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường theo ba bước ở trên thực hiện theo bộ tiêu chuẩn sau đây, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ;

b) Tiêu chuẩn 2. Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học;

c) Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất;

d) Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người học;

e) Tiêu chuẩn 5. Hợp tác quốc tế;

g) Tiêu chuẩn 6. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính;

h) Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học.

Tùy theo từng cấp học, nhóm ngành học, trình độ đào tạo, các tiêu chuẩn trên được cụ thể hóa bằng các bộ tiêu chí đánh giá ở **Phụ lục 1** của Đề án.

**3. Đánh giá và công nhận:**

Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trực thuộc; Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận đối với các cơ sở giáo dục ở địa phương theo ba mức độ sau đây:

**Mức độ 1:** Một cơ sở giáo dục đáp ứng tất cả cả tiêu chí bắt buộc và các tiêu chí phân tầng theo cấp học, ngành học ở Mức độ 1 thì được cấp danh hiệu “*Cơ sở giáo dục đạt chuẩn đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai Mức độ 1”.*

**Mức độ 2:** Một cơ sở giáo dục đáp ứng tất cả cả tiêu chí bắt buộc và các tiêu chí phân tầng theo cấp học, ngành học ở Mức độ 2 thì được cấp danh hiệu “*Cơ sở giáo dục đạt chuẩn đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai Mức độ 2”.*

**Mức độ 3:** Một cơ sở giáo dục đáp ứng tất cả cả tiêu chí bắt buộc và các tiêu chí phân tầng theo cấp học, ngành học ở Mức độ 3 thì được cấp danh hiệu “*Cơ sở giáo dục đạt chuẩn đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai Mức độ 3”.*

Việc đánh giá và công nhận được đưa vào quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và công nhận trường Chuẩn quốc gia.

**IV. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Thực hiện các giải pháp để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở Việt Nam; tiếng Anh được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, tự nhiên trong dạy học, hoạt động giáo dục, giao tiếp và các hoạt động khác của nhà trường, hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục; từ đó nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng thế hệ công dân toàn cầu đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**a) Đối với giáo dục mầm non (GDMN)**

***Đến năm 2030:***

- Ban hành chương trình, tài liệu, học liệu dành cho trẻ em mẫu giáo triển khai tiếng Anh bắt buộc đối với các cơ sở GDMN.

- Ban hành quy định về vị trí việc làm đối với giáo viên tiếng Anh trong các cơ sở GDMN.

- Ban hành khung đánh giá chất lượng các cơ sở GDMN triển khai thực hiện đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

- 100% số cơ sở GDMN tại các thành phố, đô thị vùng thuận lợi (đô thị loại 1 theo quy định của cấp có thẩm quyền) bảo đảm điều kiện triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở Mức độ 1; ít nhất 10% cơ sở GDMN đạt Mức độ 1.

***Đến năm 2035:***

- Ít nhất 80% số cơ sở GDMN bảo đảm điều kiện triển khaiđưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai đạt Mức độ 1;

- 100% số cơ sở GDMN vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em mẫu giáo;

- Ít nhất 20% số cơ sở GDMN trên cả nước đạt Mức độ 1, 10% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 2.

 ***Đến năm 2040:***

- 90% số cơ sở GDMN bảo đảm điều kiện triển khai đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em đối với trẻ em mẫu giáo.

**-** Ít nhất30% số cơ sở GDMN trên cả nước đạtMức độ 1, 15% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở GDMN đạtMức độ 3.

***Đến năm 2045:***

- 100% số cơ sở GDMN trên toàn quốc bảo đảm điều kiện triển khai đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em mẫu giáo.

**-** Ít nhất50% số cơ sở GDMN trên cả nước đạt Mức độ 1, 20% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 3.

**b) Đối với giáo dục phổ thông (GDPT)**

***Đến năm 2030:***

- Bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện môn tiếng Anh trong Chương trình GDPT2018 bắt buộc cho học sinh từ lớp 1 trong các cơ sở GDPT.

- Ban hành chương trình dạy tích hợp một số môn học bằng tiếng Anh và tài liệu hướng dẫn triển khai dạy học một số môn học bằng tiếng Anh các cấp học GDPT.

- Ban hành khung đánh giá chất lượng các cơ sở GDPT triển khai đưathực hiệntiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở các cấp học GDPT (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).

- Ít nhất 20% số cơ sở GDPT trên cả nước đạtMức độ 1, 5% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 2% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2035****:*

Ít nhất 30% số cơ sở GDPT trên cả nước đạt Mức độ 1, 10% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2040:***

Ít nhất 40% số cơ sở GDPT trên cả nước đạtMức độ 1, 15% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2045:***

Ít nhất 50% số cơ sở GDPT trên cả nước đạtMức độ 1, 20% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

**c) Đối với giáo dục đại học (GDĐH)**

***Đến năm 2030:***

- Ban hành khung đánh giá chất lượng các cơ sở GDĐH triển khai thực hiện đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Ít nhất 20% số cơ sở GDĐHtrên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, 5% số cơ sở GDĐHđạtMức độ 2và 3% số cơ sở GDĐHđạt Mức độ 3.

***Đến năm 2035****:*

Ít nhất 30% số cơ sở GDĐHtrên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, 20% số cơ sở GDĐHđạtMức độ 2và 5% số cơ sở GDĐHđạtMức độ 3*.*

***Đến năm 2040****:*

Ít nhất 40% số cơ sở GDĐHtrên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, 35% số cơ sở GDĐHđạtMức độ 2 và 15% số cơ sở GDĐHđạt Mức độ 3*.*

***Đến năm 2045****:*

Còn không quá 25% số cơ sở GDĐHtrên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, ít nhất 50% số cơ sở GDĐHđạtMức độ 2và 25% số cơ sở GDĐHđạtMức độ 3*.*

**d) Đối với giáo dục nghề nghiệp (GDNN)**

***Đến năm 2030:***

- Bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện môn tiếng Anh trong Chương trình GDNN-GDTX bắt buộc cho học sinh trong các cơ sở GDNN.

- Ban hành khung đánh giá chất lượng các cơ sở GDNN triển khai thực hiện đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Ban hành khung năng lực cho người học theo nhóm ngành, nghề.

- Ban hành khung chương trình theo nhóm ngành, nghề.

- Ban hành tài liệu tiếng Anh theo nhóm ngành, nghề.

- Ít nhất 15% cơ sở GDNN trong cả nước đạt Mức độ 1, phấn đấu có ít nhất 5% số cơ sở đạt Mức độ 2.

***Đến năm 2035:***

Ít nhất 40% cơ sở GDNN trong cả nước đạt Mức độ 1, phấn đấu có 10% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2040:***

Ít nhất 50% cơ sở GDNN trong cả nước đạt Mức độ 1, phấn đấu có 15% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2045:***

Ít nhất 60% cơ sở GDNN trong cả nước đạt Mức độ 1, phấn đấu có 20% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở đạt Mức độ 3.

**e) Đối với giáo dục thường xuyên (GDTX)**

***Đến năm 2030:***

- Xây dựng tài nguyên kho học liệu mở và các khóa học mở phục vụ người học của GDTX.

- Ban hành khung đánh giá chất lượng các cơ sở GDTX triển khai thực hiện đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Ít nhất 20% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) trên cả nước đạtMức độ 1, phấn đấu 5% số cơ sở đạt Mức độ 2.

***Đến năm 2035:***

Ít nhất 40% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) trên cả nước đạtMức độ 1, phấn đấu 10% số cơ sở GDTX đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở GDTX đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2040:***

Ít nhất 50% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) trên cả nước đạtMức độ 1, phấn đấu 15% số cơ sở GDTX đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở GDTX đạt Mức độ 3.

***Đến năm 2045:***

Ít nhất 60% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng bằng tiếng Anh) trên cả nước đạtMức độ 1, phấn đấu 20% số cơ sở GDTX đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở GDTX đạt Mức độ 3.

**V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của tiếng Anh trong giáo dục và hội nhập**

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong giáo dục và hội nhập toàn cầu. Xây dựng kế hoạch truyền thông tổng thể, phù hợp với từng đối tượng (người học, cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, cộng đồng) đồng thời bám sát tiến độ và các giai đoạn triển khai của Đề án.

b) Triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông đồng bộ và sâu rộng về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của Đề án để giúp toàn xã hội, đặc biệt là phụ huynh, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh, sinh viên, cán bộ quản lý các cấp hiểu đúng, hiểu đủ, ủng hộ và chủ động tích cực tham gia quá trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

c) Đẩy mạnh sử dụng các kênh truyền thông đa dạng, từ truyền thông đại chúng (báo chí, truyền hình), truyền thông số (mạng xã hội, nền tảng học tập trực tuyến) đến các hình thức truyền thông nội bộ trong trường học, truyền thông tương tác tại cộng đồng.

d) Gắn kết hoạt động truyền thông với xây dựng, lan tỏa các mô hình điển hình, câu chuyện truyền cảm hứng, tạo động lực học tập và sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên, tự nguyện và chủ động.

**2. Nghiên cứu và hoàn thiện thể chế**

a) Rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến chương trình, sách giáo khoa, học liệu, kiểm tra đánh giá, tổ chức hoạt động nhà trường, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên tiếng Anh, giáo viên, giảng viên dạy học bằng tiếng Anh; bổ sung các quy định để đồng bộ, thúc đẩy xã hội hoá, hội nhập quốc tế, hiện đại hóa môi trường dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và cập nhật chính sách theo định kỳ, kịp thời điều chỉnh các quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí cho phù hợp với thực tiễn triển khai và xu hướng giáo dục quốc tế; rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định về việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, khả thi trong tổ chức dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong tất cả các cấp học, ngành học, ngành nghề đào tạo.

c) Rà soát định mức lao động cho giảng viên, giáo viên dạy tiếng Anh; nghiên cứu xây dựng định mức lao động cho giảng viên, giáo viên dạy các môn học và chuyên ngành khác bằng tiếng Anh, đào tạo sinh viên sư phạm dạy các môn học và chuyên ngành khác bằng tiếng Anh. Có cơ chế phát hiện, đãi ngộ đối với học sinh, sinh viên có năng lực tiếng Anh nổi trội; có chính sách thu hút sinh viên giỏi tiếng Anh mới tốt nghiệp và hỗ trợ giáo viên tiếng Anh đến công tác tại khu vực khó khăn. Nghiên cứu cơ chế, chính sách cho người nước ngoài sử dụng tiếng Anh tham gia dạy học tại các cơ sở giáo dục công lập.

d) Xây dựng quy định về đánh giá chất lượng các cơ sở GDMN, GDPT, GDĐH, GDNN và GDTX trong triển khai thực hiện đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học để làm căn cứ công nhận các mức độ dạt được.

e) Xây dựng quy định về điều kiện, kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm cung cấp các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh để nâng cao chất lượng của các trung tâm này trong các hoạt động phối hợp với các cơ sở giáo dục.

g) Xây dựng cơ chế để huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và công cụ học tiếng Anh chất lượng cao, đặc biệt là các giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến; kiểm soát chất lượng, đồng thời ghi nhận và phát huy vai trò của các tổ chức, cơ sở giáo dục ngoài công lập có đóng góp tích cực trong triển khai Đề án.

**3. Phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy bằng tiếng Anh, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về chất lượng**

a) Thực hiện khảo sát và đánh giá năng lực tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy các môn học bằng tiếng Anh ở các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo. Trên cơ sở đó, xây dựng, hoàn thiện và ban hành khung năng lực phù hợp cho từng đối tượng, làm cơ sở định hướng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

b) Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên bảo đảm phù hợp với định hướng triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; tổ chức các chương trình bồi dưỡng về năng lực tiếng Anh, năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh, cho giáo viên, giảng viên dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ nhân viên khác bảo đảm triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, ưu tiên khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

c) Nâng cao và chuẩn hóa năng lực cho các cơ sở đào tạo giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và giáo viên, giảng viên day các môn học và chuyên ngành khác bằng tiếng Anh; thúc đẩy xây dựng mô hình liên kết giữa các trường đại học sư phạm, đại học chuyên ngữ với các cơ sở giáo dục phổ thông; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên trong công tác đào tạo và hỗ trợ chuyên môn.

**4. Xây dựng và triển khai chương trình, học liệu phục vụ dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh**

a) Phát triển hệ thống chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu, học liệu phục vụ dạy học tiếng Anh, dạy các môn học, chuyên ngành khác bằng tiếng Anh ở các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo.

b) Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu trực tuyến mở, tăng cường ứng dụng công nghệ, đào tạo trực tuyến ở quy mô quốc gia, bảo đảm người học ở mọi vùng miền, mọi điều kiện đều có thể tiếp cận miễn phí hoặc với chi phí hợp lý các chương trình, môn học và chuyên ngành bằng tiếng Anh chất lượng cao.

c) Triển khai thí điểm, đánh giá, hoàn thiện các chương trình, hệ thống học liệu trước khi triển khai diện rộng. Bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa các cấp học, loại hình đào tạo và khả năng đồng bộ với chuẩn quốc tế.

**5. Đổi mới phương pháp dạy học, phương thức thi, kiểm tra, đánh giá, đẩy mạnh xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học**

a) Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; tổ chức dạy học đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển kỹ năng nghe và nói; đa dạng hóa các hình thức dạy và học bao gồm cả ở trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng và thể hiện bằng tiếng Anh tối đa cho người học; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển văn hóa đọc bằng tiếng Anh; tăng cường các lớp song ngữ, lớp tăng cường dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh theo năng lực, sở trường của người học.

b) Tiếp tục đổi mới phương thức thi, kiểm tra, đánh giá; thiết kế hệ thống đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với bối cảnh học tập tiếng Anh và bằng tiếng Anh trong nhà trường; coi hoạt động kiểm tra, đánh giá không chỉ là công cụ đo lường, mà còn là giải pháp định hướng, dẫn dắt, thúc đẩy việc dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh một cách tự nhiên, thực tiễn, gắn với môi trường sử dụng thực chất.

c) Xây dựng quy trình và công cụ đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ cho giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; tập trung vào đánh giá năng lực ngôn ngữ tích hợp, năng lực sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tiễn và liên môn, năng lực chung và năng lực đặc thù bằng tiếng Anh.

d) Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh, năng lực chuyên ngành, nghề bằng tiếng Anh trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra một cách đồng bộ, liên thông, tiệm cận với chuẩn đánh giá theo năng lực của quốc tế.

e) Xây dựng và hoàn thiện các công cụ đánh giá chuẩn hóa xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai. Bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách về khảo thí và phát triển các trung tâm tổ chức thi năng lực ngoại ngữ hiện đại, chuyên nghiệp.

**6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, ưu tiên cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn**

a) Đầu tư phát triển các nền tảng học tập số ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng phân tích trình độ, nhu cầu và phong cách học của từng người học, từ đó cung cấp các lộ trình dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh cá nhân hóa, phù hợp và hiệu quả.

b) Tăng cường trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin và điều kiện vật chất phục vụ tổ chức dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, học liệu hoặc các điều kiện trang thiết bị khác; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

c) Thiết lập cơ chế khuyến khích hợp tác giữa ngành giáo dục và các tổ chức công nghệ, các doanh nghiệp giáo dục số nhằm cung cấp công cụ học tập, học liệu số và dịch vụ công nghệ với chi phí hợp lý. Đồng thời, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý về năng lực sử dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh theo hướng hiện đại, tích hợp và sáng tạo.

**7. Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác công – tư trong nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh**

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trên nhiều phương diện:

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục mở rộng, đa dạng hóa các hình thức hợp tác với tổ chức, cá nhân quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đưa học sinh, sinh viên học tập ở nước ngoài; xây dựng học liệu, tổ chức đánh giá và triển khai mô hình trường học thành công trong đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai.

- Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ thứ hai nhằm chia sẻ kinh nghiệm, khai thác nguồn lực và thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong dạy học tiếng Anh.

- Thúc đẩy việc ký kết các thoả thuận hợp tác, liên kết giáo dục giữa các cơ sở giáo dục Việt Nam và các cơ sở giáo dục nước ngoài, các đối tác nước ngoài về lĩnh vực giáo dục hoặc công nghệ giáo dục để nâng cao chất lượng việc dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh trên nhiều hình thức khác nhau.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục tham gia các mạng lưới giáo dục quốc tế có uy tín; các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp tham gia hình thức trường kết nghĩa với các đối tác có chất lượng để thúc đẩy giao lưu, trao đổi học sinh, giáo viên theo kỳ học mùa hè hoặc theo kỳ thực tập (nếu có).

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nhà trường tạo điều kiện cho các giáo viên, cán bộ quản lý tham dự các khoá tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ bằng tiếng Anh hoặc nâng cao trình độ tiếng Anh theo các chương trình, dự án của bộ, ngành, địa phương.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công – tư. Phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong việc lựa chọn mô hình, giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh phù hợp với điều kiện cụ thể.

**8. Phát động phong trào thi đua, khen thưởng thiết thực, hiệu quả, làm động lực thúc đẩy triển khai Đề án trên toàn quốc**

a) Phát động phong trào thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thiết thực, công bằng và kịp thời, kết hợp giữa hình thức khen thưởng tinh thần và vật chất; khuyến khích động viên các sáng kiến tiên phong, đặc biệt ở các địa bàn khó khăn hoặc nhóm đối tượng yếu thế.

b) Lồng ghép hoạt động thi đua, khen thưởng vào các sự kiện học thuật, hội nghị tổng kết, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, tạo cơ hội lan tỏa các mô hình hay, cách làm sáng tạo; hình thành hệ thống “các điển hình tiêu biểu” để truyền thông, học tập và nhân rộng.

c) Tổ chức đánh giá, sơ kết theo từng giai đoạn của Đề án; kịp thời phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, nhân rộng, tôn vinh tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm sáng tạo trong việc thực hiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; công khai kết quả thi đua, khen thưởng trên các kênh truyền thông chính thống và nền tảng số nhằm lan tỏa giá trị, tạo động lực thi đua thực chất, hiệu quả.

**VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Kinh phí thực hiện đề án được đảm bảo từ các nguồn sau:

1. Ngân sách Trung ương:

Thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, xây dựng văn bản hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên cốt cán các cấp học; xây dựng chương trình, giáo trình, sách giáo khoa nâng cao năng lực chuyên môn; đổi mới thi cử, kiểm tra đánh giá, xây dựng ngân hàng đề thi; xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh, truyền thông và các hoạt động thực hiện đề án khác.

2. Ngân sách địa phương:

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương, tăng cường điều kiện dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn, triển khai áp dụng các hoạt động thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, tài liệu, học liệu, đầu tư cơ sở phòng học tiếng Anh, trang thiết bị, học liệu, phần mềm, tài liệu dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh.

3. Nguồn thu của các cơ sở giáo dục và đào tạo:

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ xây dựng môi trường dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, triển khai các nhiệm vụ và giải pháp trong khuôn khổ Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đào tạo, thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh, tăng cường năng lực quản lý cho người lao động tại cơ sở giáo dục đào tạo và các nhiệm vụ khác của Đề án.

4. Nguồn thu khác:

Tập trung thực hiện những hoạt động đáp ứng nhu cầu dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong nhà trường.

**VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì triển khai thực hiện Đề án, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng, cụ thể hoá những nội dung của Đề án thành các chương trình, kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

- Thực hiện các nhiệm vụ có tính chất toàn ngành và các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai Đề án.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí để thực hiện Đề án từ các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương, gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, cơ chế tài chính thực hiện Đề án.

- Chủ trì nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên, giảng viên tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh phù hợp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Chủ trì việc xây dựng, điều chỉnh và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo chuyên môn có liên quan để triển khai hiệu quả Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án, định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**2. Bộ Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, xây dựng và ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, cơ chế tài chính thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương có liên quan để thẩm định, trình các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án; phân bổ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ và địa phương tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện Đề án.

**3. Bộ Nội vụ**

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên, giảng viên tiếng Anh, dạy bằng tiếng Anh phù hợp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

**4. Các bộ, cơ quan liên quan**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc, phù hợp với lộ trình, kế hoạch triển khai chung trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**5. Các tổ chức liên quan**

Hội Khuyến học Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan khác có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

**6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

- Xây dựng chương trình, đề án cấp tỉnh cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để chỉ đạo, triển khai thực hiện ở địa phương. Hằng năm, căn cứ nhu cầu và kế hoạch triển khai Đề án, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bảo đảm bố trí ngân sách thực hiện Đề án theo kế hoạch triển khai và đúng quy định hiện hành để triển khai các nhiệm vụ tại địa phương.

- Thực thi đầy đủ và có hiệu quả các quy định về khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; có chính sách ưu đãi, đề xuất điều chỉnh thủ tục để các nhà đầu tư có điều kiện tham gia phát triển dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền các cơ chế, chính sách liên quan đến xã hội hóa dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, biểu dương khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư về thành tích thực hiện xã hội hóa.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại địa phương, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá và báo cáo Chính phủ (qua Bộ Giáo dục và Đào tạo) về việc triển khai Đề án.

**PHỤ LỤC 1**

**BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐƯA TIẾNG ANH**

**THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG NHÀ TRƯỜNG**

**Mục 1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON**

**I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Biển trường, bảng hiệu, bảng thông báo, cổng thông tin điện tử (website) | Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường. |
| 2 | Tài liệu chính thức của trường | Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho học sinh/giáo viên cần có phiên bản tiếng Anh đối với chương trình giáo dục mầm non quốc tế và/hoặc chương trình giáo dục mầm non của Việt Nam được giảng dạy bằng tiếng Anh. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong các bảng hiệu, kênh thông tin, hệ thống quản trị, truyền thông của nhà trường | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Hoạt động ngoại khóa tổ chức bằng tiếng Anh | ≥ 3 hoạt động/năm | ≥ 5 hoạt động/năm | ≥ 8 hoạt động/năm |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ được cung cấp bằng tiếng Anh | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Môn học/hoạt động giáo dục | Phải có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng song ngữ: tiếng mẹ đẻ -tiếng Anh (sau đây gọi chung là song ngữ). |
| 2 | Sinh hoạt tổ chuyên môn tiếng Anh và các hoạt động giáo dục được giảng dạy song ngữ | Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các hoạt động giáo dục khác bằng song ngữ. |
| 3 | Xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường  | Phải có kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường được biên soạn bằng so ngữ.  |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ số hoạt động giáo dục song ngữ/tổng số hoạt động giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường  | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Mức độ lồng ghép tiếng Anh trong kế hoạch giáo dục của giáo viên và kế hoạch giáo dục của nhà trường. | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Mức độ tích hợp tiếng Anh trong kế hoạch bài dạy, hoạt động giáo dục trải nghiệm, liên môn | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tính nhất quán giữa kế hoạch dạy học và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

 **III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học | Thư viện phải được trang bị các đầu sách học tiếng Anh và bằng tiếng Anh song ngữ. |
| 2 | Nền tảng số  | Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các hoạt động giáo dục, hỗ trợ cha mẹ bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, ...) |
| 3 |  Có cơ sở vật chất | Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng song ngữ được sử dụng trong dạy và học | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ học sinh truy cập nền tảng số bằng song ngữ | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng song ngữ | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

 **IV. Đội ngũ nhà giáo và người học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Giáo viên dạy song ngữ | Phải có đủ định biên giáo viên dạy tiếng Anh được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai |
| 2 | Giáo viên tổ chức hoạt động giáo dục bằng song ngữ | Phải có đủ định biên giáo viên dạy môn học, hoạt động giáo dục bằng song ngữ được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học môn học, hoạt động giáo dục bằng song ngữ. |
| 3 | Trẻ em | Phải có ít nhất ít nhất một hoạt động giáo dục bằng song ngữ |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệGiáo viên dạy song ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương,có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng cấp được công nhận tương đương và, hoặc có chứng nhận được phép làm giám khảo các kì thi cấp chứng chỉ IELTS, TOEFL... | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo cấp học. | ≥ 50% | ≥ 60% | ≥ 80% |

 **V. Hợp tác quốc tế**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao | Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học |
| 2 | Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh | Có kí kết ít nhất 01 thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lượng tổ chức các Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao | ≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học |
| Số lượng đón đoàn học sinh, giáo viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh  | ≥ 01 đoàn | ≥ 03 đoàn | ≥ 05 đoàn |
| Mức độ tham gia của giáo viên trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh  | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |

**VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Công tác hành chính  | Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của học sinh, giáo viên bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh  | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**Mục 2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

**I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Biển trường, bảng hiệu, bảng thông báo, cổng thông tin điện tử (website) | Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường. |
| 2 | Tài liệu chính thức của trường | Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho học sinh/giáo viên cần có phiên bản tiếng Anh đối với chương trình giáo dục phổ thông quốc tế và/hoặc chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam được giảng dạy bằng tiếng Anh. |
| 3 | Đội ngũ hỗ trợ học sinh | Có bộ phận hoặc nhân sự có khả năng tư vấn, hỗ trợ học sinh bằng tiếng Anh trong các thủ tục hành chính, học tập, định hướng nghề nghiệp. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong các bảng hiệu, kênh thông tin, hệ thống quản trị, truyền thông của nhà trường | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Hoạt động ngoại khóa tổ chức bằng tiếng Anh | ≥ 3 hoạt động/năm | ≥ 5 hoạt động/năm | ≥ 8 hoạt động/năm |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ được cung cấp bằng tiếng Anh | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Môn học/hoạt động giáo dục | Phải có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng tiếng Anh |
| 2 | Sinh hoạt tổ chuyên môn tiếng Anh và các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh | Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh |
| 3 | Xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường  | Phải có kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường được biên soạn bằng tiếng Anh  |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ số tiết học tiếng Anh và bằng tiếng Anh/tổng số tiết theo kế hoạch giáo dục của nhà trường  | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Mức độ lồng ghép tiếng Anh trong kế hoạch bài dạy của giáo viên và kế hoạch giáo dục của nhà trường. | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Mức độ tích hợp tiếng Anh trong kế hoạch bài dạy, hoạt động giáo dục trải nghiệm, liên môn | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tính nhất quán giữa kế hoạch dạy học và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học | Thư viện phải được trang bị các đầu sách học tiếng Anh và bằng tiếng Anh |
| 2 | Nền tảng số  | Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, ...) |
| 3 |  Có cơ sở vật chất | Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ học sinh truy cập nền tảng số bằng tiếng Anh | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng tiếng Anh. | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**IV. Đội ngũ nhà giáo và người học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Giáo viên dạy môn tiếng Anh | Phải có đủ định biên giáo viên dạy tiếng Anh được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai |
| 2 | Giáo viên dạy môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh | Phải có đủ định biên giáo viên dạy môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh |
| 3 | Học sinh | Phải có ít nhất 01 lớp theo quy định của Điều lệ trường phổ thông/khối lớp được học tiếng Anh tăng cường và ít nhất một môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệgiáo viên dạy môn tiếng Anh đạt trình độ Bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương,có bằng thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng cấp được công nhận tương đương và, hoặc có chứng nhận được phép làm giám khảo các kì thi cấp chứng chỉ IELTS, TOEFL... | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo cấp học. | ≥ 70% | ≥ 90% | = 100% |
| Tỷ lệ học sinh được xác nhận trình độ ngôn ngữ bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương đối với cấp tiểu học, bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương đối với cấp THCS và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương đối với cấp THPT  | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**V. Hợp tác quốc tế**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao | Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học |
| 2 | Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh | Có kí kết ít nhất 01 thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lượng tổ chức các Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao | ≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học |
| Tỷ lệ học sinh, giáo viên được tham gia trao đổi, học tập tại quốc gia có sử dụng tiếng Anh | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |
| Số lượng đón đoàn học sinh, giáo viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh  | ≥ 01 đoàn | ≥ 03 đoàn | ≥ 05 đoàn |
| Mức độ tham gia của giáo viên và học sinh trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh  | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |

**VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp | Có dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh |
| 2 | Công tác hành chính  | Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của học sinh, giáo viên bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh so với tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Việt | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh  | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**Mục 3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Biển trường, bảng hiệu, bảng thông báo, cổng thông tin điện tử (website); | Biển trường, bảng hiệu, bảng thông báo phải có song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Cổng thông tin điện tử, trang web nhà trường cần có phiên bản tiếng Anh. |
| 2 | Tài liệu chính thức của trường; | Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho sinh viên/giảng viên cần có phiên bản tiếng Anh. |
| 3 | Đội ngũ hỗ trợ sinh viên. | Có bộ phận hoặc nhân sự có khả năng tư vấn, hỗ trợ sinh viên bằng tiếng Anh trong các thủ tục hành chính, học tập, định hướng nghề nghiệp. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| **Tiêu chí** | **Mức 1**  | **Mức 2** | **Mức 3**  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đội ngũ hỗ trợ sinh viên; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tần suất sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày giữa cán bộ, giảng viên, sinh viên; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tần suất sử dụng tiếng Anh trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, khi trao đổi học thuật; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tần suất sử dụng tiếng Anh trong, dạy học, sinh hoạt ngoài giờ và các hoạt động giáo dục khác; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tần suất xuất bản tạp chí khoa học bằng tiếng Anh được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm theo ngành đào tạo hoặc có tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế xuất bản bằng Tiếng Anh; | ≥ 01 kỳ/năm.  | ≥ 02 kỳ/năm | ≥ 04 kỳ/năm |
| Số lượng hội nghị khoa học (cấp trường/khoa) được tổ chức bằng tiếng Anh, hoặc in kỉ yếu bằng tiếng Anh có ISBN. | ≥ 01 Hội nghị, kỉ yếu/năm  | ≥ 02 Hội nghị, kỉ yếu/năm  | ≥ 03 Hội nghị, kỉ yếu/năm  |

**II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Học phần/ Chuyên đề/Môn học/hoạt động giáo dục; | Phải có ít nhất 01 môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng tiếng Anh. |
| 2 | Sinh hoạt bộ môn tiếng Anh và các bộ môn chuyên ngành được giảng dạy bằng Tiếng Anh; | Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giảng viên tiếng Anh và giảng viên/ giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh. |
| 3 | Xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, và kế hoạch đào tạo của nhà trường; | Phải có bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết và kế hoạch đào tạo của nhà trường được biên soạn bằng tiếng Anh. |
| 4 | Thiết kế và triển khai hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá bằng tiếng Anh. | Có ít nhất 30% các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, hoạt động ngoại khoá được thiết kế và triển khai bằng tiếng Anh. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học phần chuyên ngành học bằng tiếng Anh; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ hoạt động dạy học của nhà trường (chính khoá, ngoại khoá) được thiết kế và triển khai bằng tiếng Anh; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ chương trình thạc sĩ/tiến sĩ được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh;  | ≥ 30% | ≥ 50% | ≥ 70% |
| Tỷ lệ môn cơ sở ngành/chuyên ngành được dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. | ≥ 10% | ≥ 20% | ≥ 30% |

**III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học; | Thư viện phải được trang bị học liệu học tiếng Anh và bằng tiếng Anh. |
| 2 | Nền tảng số; | Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các học phần, hoạt động dạy học bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, FanPage ...). |
| 3 |  Có cơ sở vật chất. | Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học; | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ người học truy cập nền tảng số bằng tiếng Anh; | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ cơ sở vật chất (phòng học, phòng thu âm, trường quay studio, phòng học tiếng, …), hệ thống máy móc, trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng tiếng Anh. | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**IV. Đội ngũ nhà giáo và người học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Giảng viên dạy chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ tiếng Anh; | Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định  |
| 2 | Giảng viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ bằng tiếng Anh; | Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định  |
| 3 | Sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm tiếng Anh.  | Phải đạt trình độ bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ giảng viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ đạt bậc 5/6 năng lực sử dụng tiếng Anh;  | ≥ 20% | ≥ 30% | ≥ 50% |
| Tỷ lệ giảng viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy chuyên ngành, kỹ năng xây dựng chương trình và phương pháp dạy học chuyên ngành bằng tiếng Anh; | ≥ 30% | ≥ 50% | ≥ 80% |
| Tỷ lệ sinh viên các chuyên ngành khác với chuyên ngành ngoại ngữ đạt bậc 4/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.  | ≥40% | ≥ 60% | ≥ 80% |

**V. Hợp tác quốc tế**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao; | Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học. |
| 2 | Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh; | Có kí kết ít nhất 01 (một) thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh. |
| 3 | Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh (đối với các trường có đào tạo giáo viên tiếng Anh). | Phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng quốc tế (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT). |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lượng tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao; | ≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học |
| Tỷ lệ sinh viên, giảng viên được tham gia trao đổi, học tập tại quốc gia có sử dụng tiếng Anh; | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |
| Số lượng đón đoàn sinh viên, giảng viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh; | ≥ 03 đoàn | ≥ 05 đoàn | ≥ 07 đoàn |
| Mức độ tham gia của sinh viên, học viên sau đại học, giảng viên trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh. | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |

**VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp | Có dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh |
| 2 | Công tác hành chính  | Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của giảng viên, sinh viên bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh  | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh  | ≥ 25% | ≥ 50% | ≥ 75% |

**VII. Khoa học công nghệ**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh; | Có thực hiện việc nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh. |
| 2 | Hội thảo, công trình khoa học quốc tế sử dụng tiếng Anh; | Có tổ chức hoặc có thành viên tham gia hội thảo, công trình khoa học quốc tế sử dụng tiếng Anh. |
| 3 | Tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh. | Có tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh và được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| **Tiêu chí** | **Mức 1**  | **Mức 2** | **Mức 3**  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ công bố sản phẩm nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh trên tổng công bố nghiên cứu khoa học; | ≥ 20% | ≥ 50% | ≥ 70% |
| Số lượng hội thảo, hội nghị, công bố quốc tế được tham gia hoặc tổ chức trong một năm;  | ≥ 03 lần | ≥ 05 lần | ≥ 08 lần |
| Mức điểm tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh. | ≥ 0.25 | ≥ 0.5 | ≥ 0.75 |

**Mục 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

**I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Mô tả yêu cầu** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Biển trường, bảng hiệu, bảng thông báo, cổng thông tin điện tử (website) | Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường. |
| 2 | Tài liệu chính thức của cơ sở GDNN và GDTX | Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho học viên/giáo viên/giảng viên cần có phiên bản tiếng Anh đối với chương trình GDNN và GDTX quốc tế và/ hoặc chương trình GDNN và GDTX của Việt Nam được giảng dạy bằng tiếng Anh. |
| 3 | Đội ngũ hỗ trợ học viên, sinh viên | Có bộ phận hoặc nhân sự có khả năng tư vấn, hỗ trợ học viên, sinh viên bằng tiếng Anh trong các thủ tục hành chính, học tập, định hướng nghề nghiệp. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong các bảng hiệu, kênh thông tin, hệ thống quản trị, truyền thông của cơ sở GDNN và GDTX | ≥ 15% | ≥ 35% | ≥ 60% |
| Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên có đào tạo nhóm ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng,… hoặc đào tạo các ngành, nghề bằng tiếng Anh và các trung tâm ngoại ngữ có hoạt động ngoại khóa tổ chức bằng tiếng Anh | ≥ 3 hoạt động/năm | ≥ 5 hoạt động/năm | ≥ 8 hoạt động/năm |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ được cung cấp bằng tiếng Anh | ≥ 15% | ≥ 35% | ≥ 60% |
| Tần suất xuất bản tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm theo ngành đào tạo hoặc có tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế xuất bản bằng tiếng Anh  | ≥ 01 kỳ/ 02 năm. | ≥ 01 kỳ/năm | ≥ 02 kỳ/năm |
| Số lượng tổ chức hội nghị khoa học bằng tiếng Anh, hoặc in kỉ yếu có ISBN  | ≥ 01 Hội nghị, kỉ yếu/ 02 năm | ≥ 01 Hội nghị, kỉ yếu/năm | ≥ 02 Hội nghị, kỉ yếu/năm |

**II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Môn học/hoạt động giáo dục | Phải có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng tiếng Anh |
| 2 | Sinh hoạt tổ chuyên môn tiếng Anh và các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh | Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh  |
| 3 | Xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường  | Phải có kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường được biên soạn bằng tiếng Anh  |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ mô đun/ học phần chuyên ngành học bằng tiếng Anh.  | ≥ 15% | ≥ 35% | ≥ 60% |
| Tỷ lệ môn cơ sở cốt lõi ngành được dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |

**III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học | Thư viện phải được trang bị các đầu sách học tiếng Anh và bằng tiếng Anh |
| 2 | Nền tảng số  | Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, ...) |
| 3 |  Có cơ sở vật chất | Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học | ≥ 15% | ≥ 35% | ≥ 60% |
| Tỷ lệ học sinh truy cập nền tảng số bằng tiếng Anh | ≥ 15% | ≥ 35% | ≥ 60% |
| Tỷ lệ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng tiếng Anh. | ≥ 15% | ≥ 35% | ≥ 60% |

**IV. Đội ngũ nhà giáo và người học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Giảng viên/giáo viên dạy chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh | Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định  |
| 2 | Giảng viên/giáo viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ bằng tiếng Anh | Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định  |
| 3 | Học viên/sinh viên học chuyên ngành tiếng Anh  | Phải đạt trình độ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ giảng viên/giáo viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ đạt bậc 3/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.  | ≥ 10% | ≥ 20% | ≥ 30% |
| Tỷ lệ giảng viên/giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy chuyên ngành, kỹ năng xây dựng chương trình và phương pháp giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh. | ≥ 10% | ≥ 20% | ≥ 30% |
| Tỷ lệ sinh viên/học viên đạt bậc 3/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.  | ≥10% | ≥ 15% | ≥ 20% |

**V. Hợp tác quốc tế**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, kỹ năng, văn hóa, thể thao | Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học |
| 2 | Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh | Có kí kết ít nhất 01 thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh |
| 3 | Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh  | Phải được kiểm định đạt chất lượng bởi một cơ quan có thẩm quyền |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lượng tổ chức các Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, kỹ năng, văn hóa, thể thao | ≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học | ≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học |
| Tỷ lệ học viên, sinh viên, giáo viên, giảng viên được tham gia trao đổi, học tập tại quốc gia có sử dụng tiếng Anh | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |
| Số lượng đón đoàn học viên, sinh viên, giáo viên, giảng viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh  | ≥ 01 đoàn | ≥ 02 đoàn | ≥ 03 đoàn |
| Mức độ tham gia của học viên, sinh viên, giáo viên, giảng viên trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh  | ≥ 5% | ≥ 10% | ≥ 15% |

**VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp | Có dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh |
| 2 | Công tác hành chính  | Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của học viên, sinh viên, giáo viên, giảng viên bằng tiếng Anh |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1  | Mức 2 | Mức 3  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh so với tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Việt | ≥ 15% | ≥ 30% | ≥ 60% |
| Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh  | ≥ 15% | ≥ 30% | ≥ 60% |

**VII. Nghiên cứu khoa học**

**1. Tiêu chí bắt buộc**

| STT | Tiêu chí | Mô tả yêu cầu |
| --- | --- | --- |
| 1 | Nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh | Có thực hiện việc Nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh |
| 2 | Hội thảo, công trình khoa học quốc tế. | Có tổ chức hoặc có thành viên tham gia Hội thảo, công trình khoa học quốc tế. |

**2. Tiêu chí phân tầng**

| Tiêu chí | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có công bố sản phẩm nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh | ≥ 10% | ≥ 20% | ≥ 30% |
| Số lượng Hội thảo, công trình khoa học quốc tế được tham gia hoặc tổ chức trong một năm  | ≥ 01 lần | ≥ 02 lần | ≥ 03 lần |

**PHỤ LỤC 2:**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

**THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ 2 TRONG TRƯỜNG HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**  | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan****phối hợp** | **Thời gian thực hiện** | **Sản phẩm** | **Cấp phê duyệt** | **Ghi chú** |
| **I. Các nhiệm vụ hoàn thiện thể chế** |
| 1 | Thông tư ban hành Chương trình song ngữ (tiếng Việt - tiếng Anh) và tài liệu hướng dẫn triển khai thực hiện trong các cơ sở giáo dục mầm non. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2028 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 2 | Thông tư quy định vị trí việc làm giáo viên tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2028 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 3 | Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng giáo viên đáp ứng dạy song ngữ cho trẻ em mầm non. | UBND các tỉnh, TP | Các bộ, ngành có liên quan | 2028 | Quyết định | UBND tỉnh/thành phố |  |
| 4 | Quy định chương trình tiếng Anh bắt buộc cho học sinh từ lớp 1, lớp 2 trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2028 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 5 | Chương trình dạy tích hợp một số môn học bằng tiếng Anh và tài liệu hướng dẫn triển khai dạy học một số môn học bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2030 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 6 | Quy định về đánh giá chất lượng các cơ sở GDMN, GDPT, GDĐH, GDNN và GDTX trong triển khai thực hiện đưatiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học để làm căn cứ công nhận các mức độ đạt được. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2029 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 7 | Quy định về điều kiện, kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm cung cấp các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh để nâng cao chất lượng của các trung tâm này trong các hoạt động phối hợp với các cơ sở giáo dục. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2029 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 8 | Nghiên cứu xây dựng định mức lao động cho giảng viên, giáo viên dạy tiếng Anh và dạy học các môn bằng tiếng Anh, giảng viên bồi dưỡng, đào tạo sinh viên sư phạm/giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2030 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 9 | Chính sách thu hút sinh viên giỏi mới tốt nghiệp và hỗ trợ giáo viên đến công tác tại các khu vực khó khăn. | Các tỉnh/thành phố | Các bộ, ngành có liên quan | 2028 | Nghị quết/Quyết định các tỉnh | UBND tỉnh/thành phố |  |
| 10 | Quy định về điều kiện, kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm cung cấp các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh khi tham gia các hoạt động giáo dục phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông.  | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2028 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 11 | Quy định về định dạng đề thi đánh giá năng lực cho các môn học khác được giảng dạy bằng tiếng Anh. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2030 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 12 | Xây dựng quy định khung năng lực tiếng Anh cho người học theo nhóm ngành, nghề. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành, trường, trung tâm có liên quan | Cả giai đoạn | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 13 | Xây dựng quy định khung chương trình tiếng Anh theo nhóm ngành, nghề. | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành, trường, trung tâm có liên quan | Cả giai đoạn | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| **II. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Đề án** |
| 1 | Xây dựng môi trường sử dụng Tiếng Anh và truyền thông nội bộ trong các cơ sở giáo dục đại học. | Các cơ sở GDĐH | - Bộ GDĐT;- Các bộ, ngành, cơ quan quản lý trực tiếp các cơ sở GDĐH | 2028 |  | Thủ trưởngcơ cở GDĐH |  |
| 2 | Phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu, học liệu và tài nguyên dạy - học tiếng Anh, dạy - học bằng tiếng Anh | Các cơ sở GDĐH | - Bộ GDĐT;- Các bộ, ngành, cơ quan quản lý trực tiếp các cơ sở GDĐH | Các giai đoạn |  | Thủ trưởngcơ sở GDĐH |  |
| 3 | Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy các môn học khác bằng tiếng Anh. | Các cơ sở GDĐH | - Bộ GDĐT;- Các bộ, ngành, cơ quan quản lý trực tiếp các trường phổ thông, các cơ sở GDĐH. | 2028 - 2035 |  | Thủ trưởng các cơ sở GDĐH |  |
| 4 | Đánh giá, công nhận năng lực và chất lượng giảng dạy bằng tiếng Anh cho đội ngũ giáo viên, giảng viên  | Các cơ sở GDĐH | - Bộ GDĐT;- Các bộ, ngành, cơ quan quản lý trực tiếp các trường phổ thông, các cơ sở GDĐH. | Các giai đoạn |  | Thủ trưởng các cơ sở GDĐH |  |
| 5 | Hỗ trợ các địa phương, trường học triển khai dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh. | Các cơ sở GDĐH | - Bộ GDĐT;- Các địa phương, sở GDĐT, trường học. | Các giai đoạn |  | Thủ trưởng các cơ sở GDĐH |  |
| 6 | Hướng dẫn các điều kiện bảo đảm triển khai thực hiện môn tiếng Anh trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành và cơ quan, đơn vị khác có liên quan | 2028 | Hướng dẫn | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 7 | Xây dựng quy trình và công cụ đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ cho giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra một cách đồng bộ, liên thông, tiệm cận với chuẩn đánh giá theo năng lực của quốc tế.  | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành có liên quan | 2030 | Thông tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 8 | Hình thành mạng lưới mô hình dạy và học tiếng Anh tiên tiến tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành và trường, trung tâm có liên quan | Cả giai đoạn | Số lượng mô hình | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 9 | Phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu, học liệu; xây dựng và hoàn thiện các công cụ đánh giá, chuẩn hóa xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành, trường, trung tâm có liên quan | Cả giai đoạn | Tài liệu | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 10 | Xây dựng mô hình liên kết giữa các trường đại học sư phạm, đại học chuyên ngữ với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành và cơ quan, đơn vị khác có liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 11 | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng học liệu số và học liệu mở đa dạng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh,  | Bộ GDĐT | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Học liệu, cơ sở vật chất được đầu tư | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 12 | Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh hàng năm với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Số lượng giáo viên được bồi dưỡng | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 13 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Số lượng giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa  | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 14 | Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong dạy và học tiếng Anh | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 15 | Xây dựng các mô hình tiếng Anh cộng đồng, ưu tiên phát triển mô hình tiếng Anh cộng đồng tại các vùng khó khăn | Tỉnh/TP | Các bộ, ngành, trường, trung tâm có liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình | Giám đốc |  |
| 16 | Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu trực tuyến mở ở quy mô quốc gia, bảo đảm người học ở mọi vùng miền, mọi điều kiện đều có thể tiếp cận miễn phí hoặc với chi phí hợp lý các chương trình, môn học và chuyên ngành bằng Tiếng Anh chất lượng cao. | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình, hệ thống | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 17 | Đánh giá, lựa chọn một số công cụ, phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ dạy và học tiếng Anh hướng dẫn nhà giáo và người học sử dụng. | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình, hệ thống | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 18 | Tăng cường trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin và điều kiện vật chất phục vụ tổ chức dạy và học Tiếng Anh, dạy và học bằng Tiếng Anh trong nhà trường; ưu tiên đầu tư cho các khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn. | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình, hệ thống | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 19 | Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ tham gia phát triển công cụ số và học liệu số cho ngành giáo dục.  | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các mô hình, hệ thống | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 20 | Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý về năng lực sử dụng công nghệ trong dạy và học Tiếng Anh theo hướng hiện đại, tích hợp và sáng tạo. | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các chương trình | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 21 | Ký kết các thoả thuận hợp tác, liên kết giáo dục giữa các cơ sở giáo dục Việt Nam và các cơ sở giáo dục nước ngoài, các đối tác nước ngoài về lĩnh vực giáo dục hoặc công nghệ giáo dục để nâng cao chất lượng việc dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh trên nhiều hình thức khác nhau. | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các chương trình | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |
| 22 | Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu trực tuyến mở, tăng cường ứng dụng công nghệ, đào tạo trực tuyến ở quy mô quốc gia, bảo đảm người học ở mọi vùng miền, mọi điều kiện đều có thể tiếp cận miễn phí hoặc với chi phí hợp lý các chương trình, môn học và chuyên ngành bằng tiếng Anh chất lượng cao.  | Bộ GDĐT  | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Cả giai đoạn | Các chương trình | Bộ trưởng Bộ GDĐT |  |

1. 24 trường đại học có đào tạo sư phạm ngoại ngữ: Trường ĐHSP-ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Thái Nguyên -ĐHTN, Trường ĐHNN-ĐH Huế, Trường ĐHNN-ĐH Đà Nẵng, Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐH Tây Bắc, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Đà Lạt, Trường ĐH Quy Nhơn, Trường ĐH Tây Nguyên, Trường ĐHSP TPHCM, Trường ĐHSPKT TPHCM, Trường ĐH Đồng Tháp, Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Hải Phòng, Trường ĐH Hùng Vương, Trường ĐH Hồng Đức, Trường ĐH Hà Tĩnh, Trường ĐH Phạm Văn Đồng, Trường ĐH Đồng Nai, Trường ĐH Sài Gòn, Trường ĐH Bạc Liêu, Trường ĐH An Giang). [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình đào tạo cho các lĩnh vực và ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thông tư 34/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Nhật thực hành; Thông tư 28/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 về việc ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.; Chương trình tiếng Trung thực hành và Chương trình tiếng Hàn thực hành đã được thẩm định trong năm 2024. [↑](#footnote-ref-3)
4. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Giang, Yên Bái, Kiên Giang, Long An, Hà Nam, Hải Phòng, Huế. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tại Lâm Đồng, phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong trường học như: Ngày hội nói tiếng Anh; cuộc thi Giới thiệu văn hóa các nước nói tiếng Anh; Tập làm phóng viên, Không gian Anh ngữ trong khuôn viên trường; Câu lạc bộ tiếng Anh; Cuộc thi Hùng biện tiếng Anh, tổ chức cuộc thi tiếng Anh *“English in Life ”* dưới dạng hội trại. Tại Kon Tum, tổ chức cuộc thi hùng biện, ngoại khóa, cuộc thi Olympic tiếng Anh các cấp, cuộc thi “Tài năng tiếng Anh”. Tại Hòa Bình, tổ chức các cuộc thi Tài năng tiếng Anh, thi hát tiếng Anh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Như: tại Thanh Hóa: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Vinh và Đại học Hồng Đức tổ chức các khóa tập huấn dành cho giáo viên Tiếng Anh cấp tiểu học, THCS và THPT về triển khai việc tiếp cận đề thi và thực hiện công tác khảo sát, đánh giá năng lực sử dụng Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc; định kỳ tổ chức khảo sát năng lực sử dụng Tiếng Anh bậc 1, 2, 3 đối với học sinh cuối cấp. Tại Nam Định: từ năm 2016, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hội đồng Anh để bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên Tiếng Anh từ cấp tiểu học đến THPT. Tại Hòa Bình: phối hợp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức các khoá tập huấn dành cho giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phố thông về Khung năng lực ngoại ngữ, tiếp cận đề thi và thực hiện công tác khảo sát đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 1,2,3 theo Khung năng lực ngoại ngừ 6 bậc dành cho Việt Nam;… [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong đó, cấp tiểu học: 84%, cấp THCS: 87%, cấp THPT: 77%. [↑](#footnote-ref-7)
8. Thống kê từ 37/37 Trường Đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. [↑](#footnote-ref-8)
9. Thống kê từ 34/37 Trường Đại học, cao Đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. [↑](#footnote-ref-9)
10. Quyết định số 642/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2025 của Bộ trưởng về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ Biên tập và các Tiểu ban xây dựng Đề án. [↑](#footnote-ref-10)
11. Quyết định số 697/QĐ-BGDĐT ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Đề án. [↑](#footnote-ref-11)
12. Công văn số 1116/BGDĐT-GDPT ngày 17/3/2025 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc khảo sát, báo cáo các điều kiện đảm bảo triển khai Đề án [↑](#footnote-ref-12)
13. Có 0,2% học sinh học các môn Ngoại ngữ khác như tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật,... [↑](#footnote-ref-13)